

Bản án số: 17/2025/KDTM-ST

Ngày: 14/5/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Hường – Kiểm Sát Viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2024/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST – KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH M.K;

Trụ sở: Số thửa 369, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Lê Đức T là đại diện theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2024.

Địa chỉ: Căn hộ B1 03-01, Chung cư T, số 01 đường T, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P

Trụ sở: Số 384/5 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn H là đại diện theo giấy ủy quyền số 84/UQ.2025 ngày 25/02/2025.

Địa chỉ: 384/5 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH M.K có ông Lê Đức T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty TNHH M.K (sau đây gọi tắt là Công ty M.K) là Công ty chuyên cung cấp bê tông tươi phục vụ các công trình xây dựng. Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng P (sau đây là gọi tắt là Công ty P) là Công ty chuyên xây dựng công trình.

Ngày 01/06/2022, Công ty Minh M.K và Công ty P đã ký Hợp đồng bán bê tông số 026/2022/MMMK-PĐ/HĐMB. Theo đó, Công ty M.K sẽ cung cấp bê tông tươi cho Công ty P để phục vụ thi công công trình xây dựng “Nhà phố liền kề – đường 3/2 - Thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An” do Công ty P thầu xây dựng theo đơn giá được các bên thoả thuận tại Hợp đồng.

Sau khi ký kết Hợp đồng thì Công ty M.K bắt đầu cung cấp bê tông tươi đến công trình nêu trên cho Công ty P.

Theo thoả thuận tại Hợp đồng, Công ty P có trách nhiệm thanh toán tiền bê tông cho Công ty M.K trong vòng 30 ngày kể từ hoàn thành mẻ đổ. Nếu không thanh toán đúng hạn thì Công ty P sẽ phải trả lãi suất đối khoản tiền chậm trả theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP A.

Dù thoả thuận thời hạn thanh toán như vậy nhưng Công ty P không thực hiện đúng như Hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, đến ngày 30/10/2023 Công ty M.K ngừng cung cấp bê tông và yêu cầu Công ty P trả nợ.

Kể từ ngày 01/06/2022 đến ngày 30/10/2023, Công ty M.K đã cung cấp cho Công ty P tổng cộng khối lượng là 2.627m³ bê tông tươi với tổng giá trị tiền hàng là 4.104.681.595 đồng, bao gồm cả tiền bê tông, tiền bơm (Chi tiết tại Bảng công nợ tổng hợp được gửi kèm cùng với Đơn khởi kiện) và Công ty P đã thanh toán cho Công ty M.K số tiền là 3.730.000.000 đồng. Tổng số tiền hàng còn lại chưa thanh toán là: 374.681.395 đồng.

Nhận thấy rằng Công ty P không có thiện chí trả nợ. Công ty M.K cũng đã dùng các biện pháp cần thiết để đòi nợ nhưng vẫn không được. Vì vậy, Công ty M.K làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu Công ty P thanh toán ngay tiền hàng bê tông còn nợ là: 388.818.030 đồng (bằng chữ: Ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm mười tám nghìn không trăm ba mươi đồng).

- Yêu cầu Công ty P thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán, lãi suất 9%/năm, tạm tính từ ngày 09/3/2023 (30 ngày kể từ ngày đổ bê tông cuối cùng) đến ngày 14/5/2025 như sau:

- + Tiền lãi từ ngày 09/3/2023 đến ngày 07/7/2023, số ngày trễ hạn tính lãi: 3 tháng 28 ngày. Số tiền trễ hạn: 534.681.595 đồng.

Tiền lãi = (534.681.595 đồng x 9%/năm/12 x 3 tháng) + (534.681.595 đồng x 9%/năm/365 x 28 ngày) = 15.721.836 đồng.

+ Tiền lãi từ ngày 07/7/2023 đến ngày 10/8/2023, số ngày trễ hạn tính lãi: 1 tháng 4 ngày, số tiền trễ hạn: 504.681.595 đồng.

Tiền lãi = $(504.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 12 \times 1) + (504.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 365 \times 4 \text{ ngày}) = 4.282.880 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi từ ngày 10/8/2023 đến ngày 14/9/2023, số ngày trễ hạn tính lãi: 1 tháng 5 ngày, số tiền trễ hạn: 454.681.595 đồng.

Tiền lãi = $(454.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 12 \times 1) + (454.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 365 \times 5 \text{ ngày}) = 3.970.678 \text{ đồng}$.

Tiền lãi từ ngày 14/9/2023 đến ngày 30/10/2023, số ngày trễ hạn tính lãi: 1 tháng 16 ngày, số tiền trễ hạn: 404.681.595 đồng.

Tiền lãi = $(404.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 12 \times 1) + (404.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 365 \times 16 \text{ ngày}) = 4.631.664 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi từ ngày 30/10/2023 đến ngày 17/4/2025, số ngày trễ hạn tính lãi: 1 năm 6 tháng 14 ngày, số tiền trễ hạn: 374.681.595 đồng

Tiền lãi = $(374.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} \times 1) + (374.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 12 \times 6) + (374.681.595 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} / 365 \times 14 \text{ ngày}) = 51.875.437$

Tổng tiền lãi tính từ ngày 09/9/2023 đến ngày 14/5/2025 là: 80.482.495 đồng.

Ngoài ra, Công ty P còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả cho đến khi Công ty P trả hết nợ cho Công ty M.K.

Tổng cộng số tiền yêu cầu Công ty P thanh toán ngay cho Công ty M.K, tạm tính đến ngày 14/5/2025 là: 455.164.090 đồng.

Tại các buổi hòa giải tại Tòa án, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P có ông Lê Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng cung cấp bê tông như nguyên đơn trình bày. Công ty M.K đã thực hiện xong việc cung cấp bê tông như thỏa thuận. Công trình đã hoàn thành xong phần thô và bàn giao cho chủ đầu tư. Tính đến thời điểm hiện nay thì công nợ mà bị đơn Công ty P còn thiếu Công ty M.K là 374.681.395 đồng. Bị đơn không đồng ý tính lãi như yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M.K thì Công ty P hiện nay chưa có khả năng thanh toán, khi nào Công ty P được chủ đầu tư thanh toán thì sẽ trả cho Công ty M.K.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Đầu Tư P phải trả cho Công ty TNHH M.K số nợ tính đến ngày 14/5/2025 là 455.164.090 đồng trong đó:

Nợ gốc là 374.681.395 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 09/9/2023 đến ngày 14/5/2025 là 80.482.495 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn – Công ty TNHH M.K khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P có trụ sở tại 384/5 đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn – Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền hàng còn thiếu:

Căn cứ vào Hợp đồng Hợp đồng bán bê tông số 026/2022/MMMK-PĐ/HĐMB ngày 01/6/2022 được ký kết giữa Công ty TNHH M.K và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P về việc mua bán bê tông tươi để phục vụ thi công công trình xây dựng “Nhà phố liền kề – đường 3/2 - Thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An”. Thỏa thuận của các bên về việc mua bán hàng hóa là tự nguyện và có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật thương mại nên có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên như đã thỏa thuận.

Theo đó các bên đã thỏa thuận Công ty M.K cung cấp bê tông theo khối lượng và chủng loại beton giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng. Công ty P có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho Công ty M.K trong vòng 30 ngày kể từ ngày đổ bê tông.

Thực hiện Hợp đồng, 01/06/2022 đến ngày 30/10/2023, Công ty M.K đã cung cấp cho Công ty P tổng cộng khối lượng là 2.627m³ bê tông tươi với tổng giá trị tiền hàng là 4.104.681.595 đồng, bao gồm cả tiền bê tông, tiền bơm (Chi

tiết tại Bảng công nợ tổng hợp được gửi kèm cùng với Đơn khởi kiện) và Công ty P đã thanh toán cho Công ty M.K số tiền là 3.730.000.000 đồng. Theo các biên bản đối chiếu công nợ và biên bản hòa giải tại tòa án các đương sự đều thống nhất số tiền hàng mà Công ty P chưa thanh toán cho Công ty M.K là 374.681.395 đồng.

Như vậy Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua hàng quy định tại Điều 50 của Luật thương mại. Do đó yêu cầu về việc thanh toán tiền hàng của Công ty TNHH M.K là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P phải thanh toán số tiền 374.681.395 đồng cho Công ty TNHH M.K.

[3] Xét yêu cầu về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán:

Do bị đơn chậm thanh toán tiền hàng như nhận định tại mục [2] nên căn cứ theo Điều 306 của Luật thương mại thì Công ty TNHH M.K có quyền yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng bán bê tông số 026/2022/MMMK-PĐ/HĐMB ngày 01/6/2022. Các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất chậm thanh toán tại Điều 4, khoản 4.6 của Hợp đồng là bằng lãi suất cho vay do Ngân hàng TMCP A quy định vào thời điểm thanh toán. Tại công văn số 5950/CV-QLN.25 ngày 29/4/2025 thì lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP A là từ 9%-12%/năm. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 9%/năm là đúng theo thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 09/9/2023 đến ngày 14/5/2025 theo mức lãi suất 9%/năm số tiền là 80.482.495 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều; Điều 300; Điều 301; Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH M.K:

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P phải thanh toán một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho Công ty TNHH M.K tổng số tiền là 455.164.090 đồng (bốn trăm năm mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm chín mươi) đồng. Trong đó:

Tiền nợ gốc: 374.681.395 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi một nghìn ba trăm chín mươi lăm) đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán: 80.482.495 đồng (tám mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng mua bán bê tông số 026/2022/MMMK-PĐ/HĐMB ngày 01/6/2022 giữa Công ty TNHH M.K và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 22.206.564 (hai mươi hai triệu hai trăm lẻ sáu nghìn năm trăm sáu mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH M.K số tiền tạm ứng án phí 10.935.276 (mười triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059363 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH M.K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu VP, hồ sơ (D).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Duy